

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2025/DS-ST
Ngày: 16-5-2025
V/v “Tranh chấp về hợp đồng
góp hui và vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân;

Ông Mai Trần Phúc .

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng góp hui và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1975 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Nơi ở hiện nay: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2024 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Nguyên bà là chủ hui, bà T là hui viên có tham gia các phần hui của bà cụ thể như sau:

- Ngày 10/12/2022 dương lịch bà có cho chị Lê Thị Bích T tham gia đây hui 2.000.000 đồng, bà T tham gia 01 phần, một tháng kêu 1 lần, gồm 21 phần. Sau khi khai hui bà T đóng được 1 lần, đến ngày 10/01/2023 dương lịch thì bà T

hết rồi đóng tiếp hội chết được 3 lần (tổng cộng đóng hoàn thành được 4 lần), thì ngưng không đóng cho đến nay. Như vậy trong dây hội này bà T còn nợ bà 17 lần hội chết x 2.000.000 đồng = 34.000.000 đồng.

- Ngày 10/12/2022 dương lịch bà T tham gia dây hội 2.000.000 đồng, bà T tham gia 01 phần, một tháng kêu 01 lần, gồm 13 phần. Sau khi khai hội bà T đóng được 02 lần, đến ngày 10/02/2023 dương lịch thì bà T hết hội, bà T đóng tiếp hội chết được 2 lần (tổng cộng đóng hoàn thành được 4 lần) và ngưng không đóng hội cho đến nay. Dây hội này bà T còn thiếu bà 8 lần hội chết x 2.000.000 đồng = 16.000.000 đồng.

- Ngày 10/01/2023 dương lịch, bà T tham gia dây hội 2.000.000 đồng, tham gia 03 phần, một tháng kêu 01 lần, gồm 14 phần. Sau khi mở hội bà T hết đầu vào ngày 10/01/2023 dương lịch, bà T thực hiện đóng tiếp hội chết được 3 lần (tổng cộng đóng hoàn thành được 3 lần) và ngưng không đóng nữa cho đến nay. Dây hội này bà T còn thiếu bà 10 lần hội chết x 2.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

- Ngày 10/01/2023 dương lịch bà T tham gia dây hội 2.000.000 đồng, bà T tham gia 01 phần, một tháng kêu 01 lần, gồm 13 phần. Sau khi mở hội bà T thực hiện đóng được 03 lần, đến ngày 10/04/2023 dương lịch, bà T hết rồi ngưng không đóng hội cho đến nay (tổng cộng đóng hoàn thành được 3 lần). Dây hội này bà T còn nợ bà 09 lần hội chết x 2.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

- Ngày 20/04/2023 dương lịch bà T tham gia dây hội 2.000.000 đồng, bà T tham gia 01 phần, một tháng kêu 01 lần, gồm 13 phần. Sau khi mở hội bà T hết đầu vào ngày 20/04/2023 dương lịch, và ngưng không đóng hội từ đó cho đến nay. Dây hội này bà T còn nợ bà 12 lần hội chết x 2.000.000 đồng = 24.000.000 đồng.

Tổng cộng các dây hội trên và sau khi trừ những phần hội sống bà T đang tham gia của bà thì bà T còn nợ bà số tiền là: 92.500.000 đồng. Ngoài ra ngày 09/02/2023 bà T còn mượn bà số tiền là 10.000.000 đồng, hẹn 02 tháng sẽ trả nhưng cho đến nay bà T vẫn chưa trả. Như vậy tổng số tiền mượn và tiền hội mà bà T còn nợ bà là 102.500.000 (một trăm lẻ hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Tính đến nay các dây hội trên điều đã mãn nhưng bà T chưa đóng cho bà được số tiền hội nào, cũng không trả số tiền mượn nào cho bà. Nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà tổng số tiền 100.500.000 đồng, bao gồm: 90.500.000 (chín mươi triệu năm trăm nghìn) đồng tiền hội và 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền vay.

Bị đơn – bà Lê Thị Bích T trình bày:

Bà là hội viên và bà Huỳnh Thị H là chủ hội, bà có tham gia 05 dây hội 2.000.000 đồng của bà H, trong đó: có 01 dây bà tham gia 02 phần, 04 dây còn lại tham gia 01 phần/dây. Đến ngày 07/12/2023 bà và bà H chốt lại hội với nhau thì bà còn nợ lại bà H 90.500.000 đồng. Khi chốt hội thì bà H lập giấy nợ với hình thức là “Giấy mượn tiền” đề ngày 07/12/2023. Giấy do bà H cung cấp và tự viết nội dung, bà chỉ ký và ghi họ tên tại mục “Bên mượn”.

Ngoài ra, ngày 09/02/2023 bà có mượn của bà H 10.000.000 đồng, với thời hạn 02 tháng. Về lãi suất hai bên không thoả thuận trong giấy mượn tiền. Sau khi vay bà đóng lãi được 3 tháng, mỗi tháng số tiền 800.000 đồng/tháng/10.000.000 đồng (tương ứng 8%/tháng). Bà đóng lãi trực tiếp cho bà H không có giấy tờ và chứng cứ gì để chứng minh.

Về tiền hui và tiền vay gốc: Sau khi chốt hui và vay tiền đến nay, bà chưa trả được cho bà H số tiền hui và tiền vay nào.

Nay bà đồng ý trả cho bà H tổng số tiền 100.500.000 (một trăm triệu năm trăm nghìn) đồng, bao gồm: 90.500.000 (chín mươi triệu năm trăm nghìn) đồng tiền hui và 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền vay.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H. Buộc bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 100.500.000 đồng, bao gồm: 90.500.000 đồng tiền hui và 10.000.000 đồng tiền vay. Bà T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng góp hui và vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn hiện cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Bà Huỳnh Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Lê Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và bà T.

* Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H thì thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Bích T thừa nhận tham gia hui và vay tài sản của bà H,

hiện còn nợ lại số tiền 100.500.000 đồng, bao gồm: 90.500.000 đồng tiền hụi và 10.000.000 đồng tiền vay và đồng ý trả cho bà H số tiền trên.

[2] Phía bà Huỳnh Thị H: Quá trình giải quyết vụ án, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T trả lại số tiền 100.500.000 đồng, bao gồm: 90.500.000 đồng tiền hụi và 10.000.000 đồng tiền vay.

[3] Do đó, có cơ sở kết luận giữa bà Huỳnh Thị H và bà Lê Thị Bích T có tham gia giao kết hợp đồng dân sự về góp hụi và vay tài sản với nhau là có thật.

[4] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H là có cơ sở chấp nhận. Buộc bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hụi còn nợ lại là 90.500.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền vay gốc, tổng cộng là 100.500.000 đồng.

[5] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, xét thấy: Đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Bích T phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H đối với bà Lê Thị Bích T về việc “Tranh chấp về hợp đồng góp hụi và vay tài sản”.

Buộc bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền 100.500.000 (một trăm triệu năm trăm nghìn) đồng, bao gồm: 90.500.000 (chín mươi triệu năm trăm nghìn) đồng tiền hụi và 10.000.000 (**mười triệu**) **đồng tiền vay gốc**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, **Điều 468** Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Bích T phải chịu 5.025.000 (năm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **2.562.500** (hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu số

0009786 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THAM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
- P.K.TNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
 - VKSND tỉnh Tây Ninh;
 - VKSND huyện Châu Thành;
 - Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
 - Đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nơi nhận:

Trần Thị Ngọc Phượng